



TÍN DỤNG ỨNG TRƯỚC



I. CÁC NHU CẦU VAY NGẮN HẠN CỦA DOANH NGHIỆP

1. Chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp và sự hình thành nhu cầu vay
2. Các lý do vay ngắn hạn của doanh nghiệp



2. Các lý vay ngắn hạn của chủ doanh nghiệp

- Mua nguyên, vật liệu hàng hoá, nhằm:
- Duy trì mức tài sản, do:
- Do DN có hiện tượng giảm vốn chủ sở hữu, vì:
- DN có nhu cầu thay thế nợ:



II. KỸ THUẬT TÍN DỤNG NGẮN HẠN

- Các nhu cầu của DN được thoả mãn bằng 2 kỹ thuật cấp tín dụng từ phía các ngân hàng: Ứng trước và Chiết khấu



A. Kỹ thuật ứng trước

- Là phương thức TD được thực hiện trên cơ sở HĐTD, trong đó khách hàng được sử dụng một mức tín dụng trong một khoảng thời gian nhất định.
- Là phương thức TD trực tiếp đáp ứng nhu cầu của DN ở giai đoạn đầu của QTSX, => độ rủi ro cao
- Ứng trước có 2 cách
 - Ứng trước từng lần
 - Ứng trước hạn mức



So sánh 2 cách ứng trước

Yếu tố	Ứng trước từng lần	Ứng trước hạn mức
Đối tượng	Cho vay từng đối tượng cụ thể hoặc từng giao dịch cụ thể	Cho vay theo đối tượng tổng hợp
Số tiền cho vay	Xác định trên cơ sở từng PA với các chứng từ mua hàng, HĐKT, bảng kê, chỉ sử dụng tiền vay cho	Xác định trên cơ sở dự báo lưu chuyển tiền tệ của kỳ KH, sử dụng tiền chủ động cho mọi đối
Kỳ hạn	Định kỳ cho từng khoản vay	Không định kỳ hạn nợ cho từng khoản vay
Phạm vi áp dụng	DN có tài chính chưa đủ mạnh, DN nhỏ chưa đủ uy tín, DN không có quan hệ TD thường xuyên	DN có tài chính đủ mạnh, uy tín và quan hệ TD thường xuyên



Xác định mức cho vay

- Với ứng trước từng lần: Mức cho vay được ấn định trên từng đối tượng vay cụ thể, thông qua từng chứng từ hay HĐ cụ thể bằng 1 trong 2 cách:
 - Hoặc NH tham gia theo phần cho từng đối tượng (ví dụ NH cho vay 60 % giá trị hàng tồn kho)
 - Hoặc NH tham gia 100% nhu cầu của đối tượng vay cụ thể (trong tổng số TS hoặc chi phí)

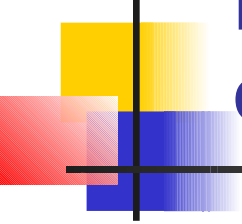


Xác định mức cho vay

- Với ứng trước hạn mức: Mức cho vay được ấn định qua số dư cao nhất mà NH có thể cung ứng cho khách hàng trong một thời gian nhất định (được gọi là HMTD)
- Hạn mức này được xác định bằng 2 cách:
 - Hoặc là dựa vào bảng dự báo bảng cân đối kế toán kỳ kế hoạch
 - Hoặc dựa vào kết quả bảng dự báo lưu chuyển tiền tệ kỳ kế hoạch

VD1: Kế hoạch tài chính của Cty X ở thời điểm 31/3 (thời điểm vốn cao nhất trong năm) như sau:

Tài sản	31/3	Nguồn	31/3
Tiền	100	Các nguồn phải trả	600
Các khoản phải thu	1200	Nợ khác	100
Tồn kho	200	Vốn lưu động ròng	100
		Dự kiến vay NH	700
Tổng TS lưu động	1500	Tổng nguồn	1500



Giả sử theo CSTD của NH tỷ lệ vốn lưu động ròng tham gia ít nhất là 30% tổng tài sản lưu động. Vậy HMTD là bao nhiêu?

- Tài sản lưu động: 1500
- Nợ phi ngân hàng: $600 + 100 = 700$
- Nhu cầu vốn (Chênh lệch): $1500 - 700 = 800$
- Vốn lưu ròng phải tham gia $1500 \times 30\% = 450$
- Mức cho vay tối đa: $800 - 450 = 350$



VD2: Dự báo quý I luồng tiền (thu – chi) của Cty X như sau:

■ Thu:

- Thu bán hàng: 550
- Thu từ bản quyền: 250
- Thu từ bán tài sản: 150
- **Tổng:** **950**

■ Chi:

- Lương: 240
- Nguyên liệu: 195
- Điện nước: 50
- Chi khác: 215
- Thuế thu nhập: 250
- **Tổng chi phí:** **950**

- Số dư iền mặt đầu quý: 300
- Số dư iền mặt cuối quý: 300

Nhìn vào báo cáo ở quý I (luồng tiền vào ra) bằng nhau, do vậy công ty không phải vay NH. Tuy nhiên, thời điểm thu, chi không đều nên vẫn phát sinh nhu cầu vay, giả sử dự báo lưu chuyển tiền tệ như sau:

	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
Thu:			
Dư đầu: 300			
Bán hàng	120	150	280
Bán quyền			250
Bán tài sản			150
Tổng thu	120	150	680
Chi			
Lương	80	80	80
Nguyên liệu	65	60	70
Điện, nước	17	17	16
Chi khác	65	100	50
Thuế	250		
Tổng chi	477	257	216
Số dư dòng tiền:			
Đầu kỳ	300	- 57	- 164
Cuối kỳ	- 57	- 164	-300



VD3: phương án tài chính về nhu cầu VL Đ của 1 DN như sau:

- Tổng tài sản lưu động: 900
- Vốn chủ sở hữu của khách hàng: 300
- Tài sản lưu động phi ngân hàng: 150
- Tài sản lưu động do vốn vay dài hạn tài trợ: 100
- CSTĐ của NH quy định: VTC ròng của KH tối thiểu là 40% so với TSLĐ, mức cho vay tối đa trên TSĐB là 60%, trên VCSH của NH là 40 tỷ
- Tính HMTD cho DN (biết rằng TSĐB = 600, NH chấp nhận cho vay và đáp ứng đủ)
- Giải thích việc quy định VTC ròng tham gia trong tài sản của DN



1. Tính HMTD = ?

- Nhu cầu vay của khách hàng: $900 - 300 - 150 - 100 = 350$
- Các giới hạn cần có:
 - Vốn tự có ròng: $40\% \times 900 = 360$
 - Mức cho vay tối đa trên TSĐB: $60\% \times 600 = 360$
 - Mức cho vay tối đa trên VCSH của NH: 40 tỷ
- \Rightarrow HMTD = 350

2. Giải thích về quy định mức VTC ròng:

- Gia tăng tính trách nhiệm, mang động lực của người vay trong quá trình kinh doanh
- Phân định rủi ro với các chủ thể tham gia

VD4: Ngày 15/8/2009 DN A đặt quan hệ TD lần đầu với NH X và gửi bộ HS vay vốn LĐ cho một PA.

- Giấy đề nghị vay là 500; MĐ vay SX đồ chơi trẻ em
- Căn cứ HS và những tài liệu có được CBTD xác định:
 - Nhu cầu TSIĐ hợp lý cho PA: Ngân quỹ 350; Tồn kho 650; Phải thu 0; TS khác 200
 - Nguồn vốn của khách tham gia PA: VTC 450; Vay phi ngân hàng: 300
- CSTD của NH nêu: KH phải có tối thiểu 40% VTC so với chênh lệch tổng TSCĐ và vốn vay phi NH; Mức cho vay tối đa trên TSTC 45%; Quy mô món vay tối đa 2000.
- Nguồn vốn NH đáp ứng nhu cầu vay của KH; TSTC được định giá 1200
- Khách hàng yêu cầu giải ngân 1 lần ở thời điểm bắt đầu KD 1/9/2009
- Yêu cầu:
- Hãy nêu từng tài liệu trong bộ HS và ý nghĩa của từng tài liệu đó
- Trả lời yêu cầu của khách về mức yêu cầu vay? Giải thích?
- Cho thái độ về nhu cầu giải ngân của khách hàng?

1. Tài liệu và ý nghĩa:

- Giấy đề nghị vay để cung
- Phương án KD: ý tưởng KD, chứng minh KH có dòng tiền số 1 để trả nợ
- Báo cáo tài chính: đánh giá nguồn trả nợ thứ 2 của KH
- Đảm bảo tín dụng: Nguồn thu nợ cuối cùng
- Tài liệu pháp lý: trách nhiệm của KH trước pháp lý (cộng đồng)
- HĐ các loại: thể hiện tính thị trường của ý tưởng kinh doanh.

2. Mức cho vay đối với yêu cầu của khách:

- Nhu cầu vay ngân hàng:
 - $(350 + 650 + 200) - (450 + 300) = 450$
- Các giới hạn:
 - Quy mô cho vay: 2000
 - Tài sản đảm bảo: $1200 \times 45\% = 540$
 - Vốn tự có tối thiểu: $40\% (1200 - 300) = 360$
- Nguồn vốn của NH đáp ứng đủ
- => KL: Mức cho vay là 450 chứ không thoả mãn 500 như yêu cầu của khách hàng.

3. Nhu cầu 1 lần chỉ đáp ứng khi KH chứng minh được tiến độ thực hiện ý tưởng cần mức độ ngân quỹ toàn bộ tại thời điểm này (chứng từ và HĐ mua hàng). Do vậy, số lần giải ngân phụ thuộc tiến độ thực hiện PA. Có thể 1 lần hoặc nhiều lần.